


Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

## PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

<b>SODIUM NITRATE (NaNO<sub>3</sub>)</b>		<b>Logo của doanh nghiệp</b> (không bắt buộc)	
<p>-Số CAS: 7631-99-4 -Số UN: 1498 -Số đăng ký EC: không có -Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại: không có -Số đăng ký danh mục Quốc gia khác: không có -Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): không có</p>			
<b>PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP</b>			
<p>- Tên thường gọi của chất: Natri nitrate - Tên thương mại: Sodium nitrate - Tên khác (không là tên khoa học):</p>		<p><b>Tên nhà Phân phối:</b> <b>Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup</b></p> <p><b>Địa chỉ liên hệ:</b> A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh <b>Điện thoại:</b> 0898.517.996</p>	
<p>- Mục đích sử dụng: NaNO<sub>3</sub> được sử dụng nhiều làm phân bón và nguyên liệu sản xuất phân bón,...</p>			
<b>PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM</b>			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Nitrate	7631-99-4	NaNO <sub>3</sub>	99%

**PHẦN III. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM****1. Mức xếp loại nguy hiểm**

Tỉ lệ **J.T. Baker SAF-T-DATA**(tm) (để tham khảo):

Tiếp xúc: 2 – Trung bình . Sức khoẻ: 2 – Trung bình. Dễ cháy: 0 - Không cháy. Phản ứng: 3 - cao

**2. Cảnh báo nguy hiểm**

- **Tổng quan:** Là chất độc, nguy hiểm, chất oxy hóa mạnh, gây kích ứng da, mắt, hô hấp

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong thùng kín. Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo vệ để tránh sự nguy hại về mặt cơ lí. Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa bụi, cặn. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc.

**3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng**

- Đường mắt: gây dị ứng đỏ, đau.
- Đường thở: gây kích ứng đường hô hấp, ho, khó thở
- Đường da: gây kích ứng da, đỏ, ngứa, đau.
- Đường tiêu hóa: nếu nuốt phải có thể gây nôn mửa, tiêu chảy, viêm dạ dày, ruột, dạng nitrit độc hại hơn

**PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN****1. Trờng hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt**

- Rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đẩy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

**2. Trờng hợp tai nạn tiếp xúc trên da**

- Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày...bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kĩ lưỡng bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

**3. Trờng hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp**

- Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxi. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

**4. Trờng hợp tai nạn theo đường tiêu hóa**

- Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Sau đó uống nhiều nước hoặc nước chanh. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì. Và ngay lập tức phải chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sĩ.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị: **không có thông tin**

**PHẦN V. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY****1. Xếp loại về tính cháy**

- Không được coi là chất dễ cháy. nhưng nó là chất oxy hóa mạnh.

**2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Oxit nito....

**3. Các tác nhân gây cháy, nổ:** tác nhân khử, nhiệt, lửa, va đập mạnh...

**4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**

- Sử dụng khí CO2..., có thể dùng nước nhưng đứng càng xa càng tốt.

**5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**

- Nếu cháy, mặc quần áo bảo hộ NIOSH, mặt nạ kín với áp lực tiêu chuẩn.

**6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ:** không có thông tin

## PHẦN VI. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

### 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Giới hạn tiếp xúc không khí: không có thông tin

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp theo tiêu chuẩn NIOSH.

Phải có hệ thống thông gió tốt để không chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Có lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể thấm bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trơ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

### 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Giới hạn tiếp xúc không khí: không có thông tin

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ theo tiêu chuẩn NIOSH: nếu lần giới hạn tiếp xúc vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát kỹ thuật, thì sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, thì sử dụng mặt nạ phòng độc có áp suất không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.

Phải có hệ thống thông gió tốt để không chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Có lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể thấm bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trơ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ

## PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

### 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng ống dẫn khí để giữ sự tiếp xúc nằm trong giới hạn. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc

### 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo quản tránh sự hư hại về mặt cơ lí. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa bụi, cặn. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm.

## PHẦN VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN

**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:** Sử dụng hệ thống thông gió, tủ hút hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp

### 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH.
- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ, ủng cao su.

### 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH
- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ
<b>4. Các biện pháp vệ sinh:</b> Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

### PHẦN IX. ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: tinh thể	Điểm sôi ( <sup>0</sup> C): 380° C
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy ( <sup>0</sup> C): 308° C
Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy ( <sup>0</sup> C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có thông tin	Nhiệt độ tự cháy ( <sup>0</sup> C): không có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có thông tin
Độ hòa tan trong nước: 81.5g/100mlH <sub>2</sub> O ở 15 độ C	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có thông tin
Độ PH: kiềm	Tỷ lệ hoá hơi: Không có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> ): 2.26	Các tính chất khác nếu có

### PHẦN X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

<b>1. Tính ổn định:</b> ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường.
<b>2. Khả năng phản ứng</b>
- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Oxit nito...
- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra
- Phản ứng tương khắc: Phản ứng với axit để sinh ra khói độc hại của khí nitơ. khi phản ứng với các chất sau có thể gây nổ: rhodanide bari, photphua bo, xianua, thiosulfat natri, hypophosphite natri, cộng với than củi lưu huỳnh, bột nhôm và oxit nhôm. Vật liệu hữu cơ dạng sợi như đay, gỗ, và các vật liệu xenlulô tương tự có thể trở nên rất dễ cháy do tầm nitrate.
- Nên tránh: nhiệt, lửa, ma sát, va đập mạnh

### PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngoại ứng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sodium Nitrate	1267 mg/kg	LD50	Miệng	Chuột

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...)**

Chất sinh gây ung thư NTP

Thành phần	Đã có	Sẽ có	IARC
Sodium Nitrate (7631-99-4)	Không	Không	Không

**2. Các ảnh hưởng độc khác: vi sinh vật, môi trường****PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG****1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Sodium Nitrate	Chuột	1267 mg/kg	LD50

**2. Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học: không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin

**PHẦN XIII. BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT****1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)**

- Xử lý, tái chế rác thải theo luật định của địa phương, quốc gia. Tiêu hủy cả những thùng chứa, và chất còn lại khi không sử dụng

**2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: không có thông tin****3. Biện pháp tiêu hủy**

- Coi như rác thải nguy hại và tiêu hủy trong lò thiêu chất thải theo tiêu chuẩn RCRA hay theo những phương pháp tiêu hủy chất thải theo tiêu chuẩn RCRA

**4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Trong quá trình xử lý, tùy vào việc sử dụng hay nhiễm bẩn của sản phẩm này có thể thay đổi phương pháp quản lý chất thải.****4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: không có thông tin**

**HOA VIỆT**  
Chemgroup

PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đờng biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005	1498		5.1	III	Không có thông tin	100LB Là hoá chất nguy hiểm, khi sử dụng nên cẩn thận trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1498		5.1	III	Không có thông tin	100LB Là hoá chất nguy hiểm, khi sử dụng nên cẩn thận trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.

## PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

<b>1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới</b>					
Tình trạng khai báo hoá chất - Phần 1					
Thành phần	TSCA	EC	Japan	Australia	
Natri Hidroxit (1310-73-2)	Có	Có	Có	Có	
Tình trạng khai báo hoá chất - Phần 2					
--Canada--					
Thành phần	NDSL	DSL	Korea	Phil.	
Natri Hidroxit (1310-73-2)	Có	Có	Không	Có	
Quy định Liên bang, Quốc gia, Quốc tế - Phần 1					
-SARA 302- -----SARA 313-----					
Thành phần	RQ	TPQ	List	Chemical Catg.	
Natri Hidroxit (1310-73-2)	Không	Không	Không	Nitrate	
Quy định Liên bang, Quốc gia, Quốc tế - Phần 2					
-RCRA- -TSCA-					
Thành phần	CERCLA	261.33	8(d)		
Natri Hidroxit (1310-73-2)	Không	Không	Không		
<b>Hiệp ước vũ khí hoá học:</b> Không					
		TSCA 12(b):	Không		CDTA: Không

**SARA 311/312:** Độc cấp tính: Có    Độc mãn tính: Không    Cháy: Không    Áp suất: Không  
Phản ứng: Có (Nguyên chất / Chất lỏng)

**2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** theo thông tin đăng kí, khai báo trên  
**Tỷ lệ NFPA:**

- Sức khoẻ: 1
- Phản ứng: 1
- Dễ cháy: 0
- Chất oxy hóa

**Tem cảnh báo nguy hiểm:**

Là chất độc, nguy hiểm, chất oxy hóa mạnh, gây kích ứng da, mắt, hô hấp

**Tem an toàn:**

- Không để hoá chất bắn vào mắt, da, quần áo.
- Không hít phải bụi.
- Giữ các thùng chứa luôn kín.
- Sử dụng hệ thống thông gió tốt.
- Rửa tay ngay sau khi sử dụng.

**Tem sơ cứu:**

- Nếu nuốt phải, gây nôn ngay lập tức. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì nếu nạn nhân bất tỉnh. Trong trường hợp tiếp xúc: rửa mắt hoặc da bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Tháo bỏ hết quần áo, giày...bị hoá chất bắn vào. Nếu tiếp xúc qua đường hô hấp: chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở.

- Phải có sự chăm sóc y tế trong mọi trường hợp tiếp xúc.

**Mục đích sử dụng:** Thuốc thử phòng thí nghiệm

## PHẦN XVI. THÔNG TIN KHÁC

**Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023**

**Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:**

**Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo : CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP**

Lưu ý người đọc:

*Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu an toàn hoá chất này được xây dựng dựa trên căn cứ Luật Hoá chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.*

*Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.*